TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1342/2022/KDTM-ST
Ngày: 21/7/2022
V/v:" Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Bính Thân**

2/ Bà **Lâm Thị Hoàng Anh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Trần Thị Mai Trâm** - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh: bà **Phan Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 tháng 6 năm 2022 và ngày 21 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-KDTM ngày 18/01/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐXXST – KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2022/QĐST – KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH TY**
Địa chỉ: Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Tấn N** – Giám đốc
Đại diện ủy quyền: ông **Lương Khải Â** (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/12/2020)

Bị đơn: **Công ty cổ phần Xây dựng TP**
Địa chỉ: Hoàng Hoa Thám, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP.HCM
Đại diện theo pháp luật: bà **Trần Thị Trâm A** – Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/5/2018, Công ty TY và Công ty TP có ký Hợp đồng mua bán bê tông số 11/2018/HĐMB/TY-TH về việc mua bán bê tông thương phẩm phục vụ cho công trình Khu Evason Ana Mandara I&II Villa. Tiếp đó hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 01-11/2018/HĐMB/TY-TP ngày 02/10/2018 điều chỉnh đơn giá cho bê tông.

Giá trị quyết toán dựa trên giá trị thực tế thực hiện, tổng cộng là: 1.202.800.000 đồng, theo Bảng tổng hợp sau:

+ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng đợt 1 (từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/8/2018) là 109.125.000 đồng

+ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng đợt 2 (từ ngày 01/9/2018 đến ngày 30/9/2018) là 225.540.000 đồng

+ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng đợt 3 (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/10/2018) theo 02 đợt là 535.910.000 đồng và 152.025.000 đồng

+ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng đợt 4 (từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/11/2018) là 147.800.000 đồng

+ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng đợt 5 (từ ngày 01/12/2018 đến ngày 25/12/2018) là 5.500.000 đồng

+ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng đợt 6 (từ ngày 23/3/2019 đến ngày 31/3/2019) là 26.900.000 đồng.

Công ty TP đã thanh toán nhiều đợt, số tiền tổng cộng là 515.105.000 đồng. Tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/5/2019, Công ty TP xác nhận còn nợ Công ty TY số tiền 767.695.000 đồng. Từ đó đến nay, Công ty TP chỉ thanh toán thêm 80.000.000 đồng. Mặc dù Công ty TP nhiều lần có công văn phản hồi, hứa hẹn trả nợ (Công văn số 03-05/CV/2019 ngày 03/5/2019; Công văn số 30007/CV/2019 ngày 30/7/2019; Công văn số 1912/CV/2019 ngày 19/12/2019), nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Nay Công ty TY yêu cầu Công ty TP trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 687.695.000 đồng, và tiền lãi với mức 1,125% / tháng tính đến ngày 21/7/2022 (38 tháng) là: 687.695.000 đồng x 1,125%/tháng x 38 tháng = 293.989.612 đồng, tổng cộng là 687.695.000 đồng + 293.989.612 đồng = 981.684.612 đồng.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 85, Điều 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty cổ phần xây dựng TP có trụ sở tại phường 05, quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Ngày 28/5/2018, Công ty TNHH TY và Công ty cổ phần xây dựng TP có ký Hợp đồng mua bán bê tông số 11/2018/HĐMB/TY-TH và Phụ lục Hợp đồng số 01-11/2018/HĐMB/TY-TP ngày 02/10/2018 điều chỉnh đơn giá cho bê tông, theo Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng Trúc Phố đã được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Ngày 28/5/2018, Công ty TNHH TY và Công ty cổ phần xây dựng TP có ký Hợp đồng mua bán bê tông số 11/2018/HĐMB/TY-TH và Phụ lục Hợp đồng số 01-11/2018/HĐMB/TY-TP ngày 02/10/2018 điều chỉnh đơn giá cho bê tông. Tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/5/2019, Công ty TP xác nhận còn nợ Công ty Thanh Yến số tiền 767.695.000 đồng, sau đó Công ty TP chỉ thanh toán thêm 80.000.000 đồng, còn thiếu lại 687.695.000 đồng.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TY. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/5/2019, các Công văn xin gia hạn trả nợ …thể hiện số tiền của Công ty TP còn thiếu Công ty TNHH TY là 687.695.000 đồng. Công ty TNHH TY đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền nợ nhưng cho đến nay, Công ty cổ phần xây dựng TP vẫn không thanh toán đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng TP phải trả số tiền 687.695.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi, Công ty TNHH TY yêu cầu tính lãi suất cho vay trung bình là 9%/1 năm và lãi quá hạn được tính x 150% như sau: 687.695.000 đồng x 1,125%/tháng x 38 tháng (20/5/2019 đến 21/7/2022 là 38 tháng) = 293.989.612 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự, xét việc yêu cầu tính lãi trên là phù hợp quy định pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TY.

1.1 Buộc Công ty cổ phần xây dựng TP phải trả cho Công ty TNHH TY số tiền nợ gốc là 687.695.000 (sáu trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/7/2022 là 293.989.612 (hai trăm chín mươi ba triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, sáu trăm mười hai) đồng, tổng cộng là: 687.695.000 đồng + 293.989.612 đồng = 981.684.612 (chín trăm tám mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai) đồng, trả làm một làm ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành, phía bị đơn không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí KDTM sơ thẩm: là 41.450.538 đồng Công ty cổ phần xây dựng TP phải nộp. Hoàn trả cho Công ty TNHH TY số tiền tạm ứng án phí là 18.583.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089099 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hoàng Vũ Nam

Nơi nhận:
- *Tòa án NDTP.HCM*
- *VKSND Quận Bình Thạnh.*
- *THA DS Quận Bình Thạnh.*
- *Các đương sự*
- *Lưu VP, HS*